

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI**

Căn cứ vào các Điều 397, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1043/2026/TLST-HNGĐ ngày 20/7/2026, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1992;

Căn cước công dân số 038092015521, cấp ngày 04/9/2024;

Nơi cư trú: Thôn N, xã N2, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại: 0929.788.xxx.

- Bà Nguyễn Thùy T, sinh năm 1999;

Căn cước công dân số 024199002978, cấp ngày 27/5/2024;

Nơi cư trú: Tổ x, ấp y (nay là ấp V), xã T, thành phố Đồng Nai.

Số điện thoại: 0898.225.yyy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tòa án đã tiến hành hòa giải để ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thùy T đoàn tụ nhưng ông D và bà T không đồng ý đoàn tụ mà tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ việc dân sự, cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thùy T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V2, tỉnh Đồng Nai (nay là Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Đồng Nai), được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16, ngày 01/3/2021. Căn cứ các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình hòa giải, ông D và bà T không đoàn tụ để về chung sống với nhau mà thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; sự tự nguyện của ông, bà là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thùy T có 01 con chung tên là Nguyễn Văn Thiên K, sinh ngày 19/02/2021. Ông D và bà T thống nhất giao cháu Nguyễn Văn Thiên K cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng số tiền 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2026 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của ông D và bà T là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận.

Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông D và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí: Ông D và bà T phải nộp lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thùy T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Thiên K, sinh ngày 19/02/2021 cho bà Nguyễn Thùy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng

số tiền 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2026 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thùy T mỗi người phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí giải quyết việc dân sự; được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Biên lai thu số 0001000 ngày 14/7/2026 và Biên lai thu số 0000xxx ngày y/7/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đồng Nai. Ông D và bà T đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36, 71 và 72 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 3 - Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự TP. Đồng Nai;
- UBND xã T, TP. Đồng Nai
(Giấy chứng nhận kết hôn số 16, ngày 01/3/2021 của UBND xã Vĩnh Tân cũ);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

THẨM PHÁN

Đặng Quang Tuyền